

Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến việc tiếp cận năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng

Phạm Thị Thủy Vũ^{1*}, Võ Thanh Tôn¹

(1) Khoa Điều Dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Ngày nay, một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng giáo dục của một trường đại học là kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên. Hoạt động NCKH trở thành một trong các nhiệm vụ quan trọng của các giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo với mục tiêu hướng đến tiếp cận năng lực trong NCKH của sinh viên. Ngành điều dưỡng mới bước đầu quan tâm về vấn đề tiếp cận năng lực nghiên cứu nên có rất ít các nghiên cứu về vấn đề này. **Mục tiêu:** (1) Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng qua thang đo RCS-N (2) Mô tả các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên điều dưỡng (3) Xác định các yếu tố liên quan đến năng lực NCKH của sinh viên điều dưỡng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang với 317 sinh viên điều dưỡng năm thứ ba và thứ 4 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế từ 06/2021 đến tháng 04/2022. **Kết quả:** Nhóm sinh viên ở nhóm quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/mọi thứ các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ thấp nhất với 8,5%. Điểm số trung bình của các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH với nhóm nhân tố sinh viên (21,19 ± 3,59); nhóm nhân tố giảng viên (17,03 ± 4,01); nhóm nhân tố chính sách của Nhà trường (15,92 ± 3,08); nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường (12,37 ± 2,75); nhóm nhân tố cơ sở thực tập (12,20 ± 2,70). Có mối liên quan giữa điểm trung bình nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên ($p < 0,05$). **Kết luận:** Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng là một điều cần thiết để xem xét, phân tích, đánh giá các khóa học NCKH điều dưỡng để xác định mức độ phù hợp của các chương trình giảng dạy về NCKH cho điều dưỡng và cũng là bước khởi đầu để xác định khả năng NCKH của họ chuẩn bị sẵn sàng của một điều dưỡng chuyên nghiệp trong tương lai.

Từ khóa: đánh giá năng lực nghiên cứu, sinh viên điều dưỡng, Bộ câu hỏi RCS-N.

Abstract

Assessment of research capacity of nursing students and factors related to access to the capacity of scientific research activities of nursing students

Pham Thi Thuy Vu^{1*}, Vo Thanh Ton¹

(1) Faculty of Nursing, University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Introduction: Nowadays, one of the important criteria to evaluate the educational quality of the university is the results of scientific research on students. Scientific research activities become one of the important tasks of lecturers in order to improve the quality of training with the goal of approaching students' competence in scientific research. The nursing profession is initially interested in the issue of access to research capacity, so there are very few studies on this issue. **Objectives:** 1) To assess the research capacity of nursing students through the RCS-N scale; (2) To describe the groups of factors affecting the motivation of nursing students to do scientific research; (3) To identify the factors related to the scientific research capacity of nursing students. **Methodology:** A cross-sectional descriptive study with 317 third and fourth-year nursing students at the University of Medicine and Pharmacy, Hue University from 06/2021 to 04/2022. **Results:** The group of students in the group familiar with scientific research (Knowing many/all/everything criteria about scientific research) accounted for the lowest percentage with 8.5%. The average score of the groups of factors affecting the motivation of scientific research with the group of student factors (21.19 ± 3.59); a group of lecturers factors (17.03 ± 4.01); a group of the policy of the University factors (15.92 ± 3.08); a

group of facilities of the University factors (12.37 ± 2.75); a group of practice station factors (12.20 ± 2.70). There is a relationship between the mean score of the group of facilities of the University factors and the student's research capacity score ($p < 0.05$). **Conclusion:** Assessing the research capacity of nursing students is a necessity to review, analyze and evaluate nursing science research courses in order to determine the appropriate level of scientific research curriculum for nursing students. nurses and is also the first step to determining their ability to do scientific research to prepare them for future professional nurses.

Keywords: Assessment of Research Competency, nursing students, RCS-N Questionnaire.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng giáo dục của một trường đại học là kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên [1]. Vì vậy, hoạt động NCKH trở thành một trong các nhiệm vụ quan trọng của các giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo với mục tiêu hướng đến tiếp cận năng lực trong NCKH của sinh viên.

Để đánh giá đầy đủ về năng lực NCKH của sinh viên cần có cách nhìn khoa học, tổng thể, khách quan và thực tế, dựa trên cách tiếp cận quá trình thực hiện và kết quả hoạt động. Quá trình toàn diện này biểu thị rõ hệ thống tri thức khoa học mà ngành giáo dục cần dành cho vấn đề rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên một vị trí cứng trong chương trình học mới [2]. Hiện nay, ngành điều dưỡng mới bước đầu quan tâm về vấn đề tiếp cận năng lực nghiên cứu nên có rất ít các nghiên cứu về vấn đề này.

Giáo dục điều dưỡng có khả năng ảnh hưởng tích cực đến thái độ của điều dưỡng đối với nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng, điều này làm cho kết quả chăm sóc tốt hơn cho bệnh nhân [3]. Sinh viên điều dưỡng tham gia NCKH chủ yếu ở năm thứ ba và thứ tư khi sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp. Vấn đề được đặt ra là làm thế nào để tạo ra được một sản phẩm NCKH có ý nghĩa và việc nắm rõ những kinh nghiệm, kỹ năng NCKH của sinh viên từ bước thực hiện đề tài, trích dẫn, viết báo cáo và trình bày các báo cáo khoa học cũng như những yếu tố chủ quan và khách quan hạn chế năng lực tiếp cận thực hành NCKH thực tế trong quá trình học tập sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiệu quả của nghiên cứu từ đó giúp sinh viên tìm tòi, phát hiện và giải quyết những vấn đề học tập và thực tiễn đồng thời hình thành năng lực học tập và nghiên cứu.

Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài **“Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến việc tiếp cận năng lực trong hoạt động NCKH của sinh viên điều dưỡng”** với mục tiêu sau:

- Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên

điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế qua thang đo RCS-N.

- Mô tả các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên điều dưỡng.

- Xác định các yếu tố liên quan đến năng lực NCKH của sinh viên điều dưỡng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn chọn vào: sinh viên đại học điều dưỡng chính quy năm thứ ba và thứ 4 đã học môn NCKH tại trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế từ tháng 06/2021 đến tháng 04/2022.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu và vắng mặt trong thời gian lấy số liệu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.2. Cỡ mẫu: 317 sinh viên điều dưỡng năm thứ ba và thứ 4.

2.3. Phương pháp chọn mẫu

Kỹ thuật chọn mẫu thuận lợi được lựa chọn tất cả các sinh viên có những tiêu chí phù hợp với tiêu chuẩn chọn và tiêu chuẩn loại trừ được đưa vào nghiên cứu. Trong nghiên cứu nhóm tác giả đã gửi 350 bộ câu hỏi bằng giấy trực tiếp đến toàn bộ sinh viên điều dưỡng chính quy năm thứ ba và thứ tư (350 sinh viên). Các bộ câu hỏi sau khi thu về và được kiểm tra điền các thông tin trên phiếu thì có 317 phiếu với đầy đủ các thông tin và hợp lệ (đạt tỉ lệ khảo sát 90,5%). Vì vậy, cỡ mẫu của nghiên cứu là 317 mẫu.

2.4. Công cụ thu thập số liệu: Bộ câu hỏi được thiết kế gồm 3 phần:

Phần 1 với các thông tin về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu như tuổi, giới, điểm học phần NCKH, xếp loại học lực kỳ trước.

Phần 2 là thang đo đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng (RCS-N) được phát triển bởi Qiu và cộng sự (2019), thang đo gồm 24 câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ với 1

(tôi hoàn toàn không biết), 2 (tôi biết một chút), 3 (tôi biết một số), 4 (tôi biết rất nhiều), 5 (tôi biết tất cả/mọi thứ), thang đo này có tổng số điểm dao động từ 24-120 điểm. Thang đo được dịch sang tiếng Việt theo quy trình dịch và được thực hiện pilot kiểm tra độ tin cậy với Cronbach's alpha bằng 0,96. Dựa theo nghiên cứu của tác giả Grande và cộng sự [4], [5], [6] năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng được đánh giá như sau: Rất quen thuộc với NCKH (tôi biết tất cả/mọi thứ): 4,21 - 5,00; quen thuộc NCKH (tôi biết rất nhiều): 3,41 - 4,20; tôi biết một số: 2,61 - 3,40; tôi biết một chút: 1,81 - 2,60; tôi hoàn toàn không biết: 1,00 - 1,80. Dựa theo cơ sở đó tác giả đã đánh giá năng lực NCKH của sinh viên theo 2 nhóm với Không quen thuộc NCKH (Biết một số/một chút/không biết) với điểm trung bình của mỗi tiêu chí < 3,41 và nhóm Quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/mọi thứ) với điểm trung bình của mỗi tiêu chí ≥ 3,41.

Phần 3 là bảng câu hỏi đánh giá về các nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên, nhóm tác giả đã tham khảo bộ câu hỏi của tác giả Phạm Quang Văn và cộng sự (2018) [1] về đánh giá các yếu tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên, nhóm tác giả đã thiết kế, điều chỉnh, tiến hành khảo sát

thí điểm cho phù hợp với nhóm nghiên cứu, bảng câu hỏi này gồm 25 câu hỏi với 5 nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên cụ thể có 6 câu hỏi về nhóm nhân tố sinh viên (SV), 6 câu hỏi về nhóm nhân tố giảng viên (GV), 5 câu hỏi về nhóm nhân tố chính sách của Nhà trường (CS), 4 câu hỏi về nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường (CSV), 4 câu hỏi về nhóm nhân tố cơ sở thực tập (CSTT), được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ với 1 (hoàn toàn không đồng ý), 2 (không đồng ý), 3 (không ý kiến), 4 (đồng ý), 5 (hoàn toàn đồng ý). Kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha ở các nhóm với nhóm nhân tố sinh viên là 0,847; nhóm nhân tố giảng viên là 0,90; nhóm nhân tố Chính sách nhà trường là 0,834; nhóm nhân tố cơ sở vật chất là 0,705 và nhân tố cơ sở thực tập là 0,88.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu:

Các dữ liệu được thu thập dựa vào bộ câu hỏi đã soạn sẵn với công cụ thu thập số liệu như trên.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu:

Xử lý theo phần mềm SPSS 16.0 mô tả như giá trị trung bình, tần số, tỷ lệ phần trăm. Sử dụng phép kiểm t-test, ANOVA Correlation để xét mối liên quan.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Điểm điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=317)

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %
Giới	Nam	7,9
	Nữ	92,1
Nhóm tuổi	≤ 20 tuổi	21,1
	> 20 tuổi	78,9
Điểm kết thúc học phần NCKH	A+/A	9,1
	B+/B	55,5
	C+/C	35,3
Xếp loại học lực kỳ trước	Giỏi	19,9
	Khá	64,4
	Trung bình	15,8

Nhận xét: Đa số đối tượng tham gia nghiên cứu là nữ giới chiếm tỷ lệ 92,1%, nam giới 7,9%. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu ở nhóm > 20 tuổi chiếm tỷ lệ cao với 78,9% Tỷ lệ sinh viên có điểm kết thúc học phần NCKH là A+/A chiếm tỷ lệ thấp nhất với 9,1%, sinh viên có điểm kết thúc học phần NCKH là B+/B chiếm đa số với tỷ lệ 55,5%. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu có xếp loại học lực kỳ trước là Khá chiếm tỷ lệ cao 64,4%.

3.2. Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng tại trường Đại học Y Dược, Đại học Huế qua thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

Bảng 2. Phân bố năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng qua từng yếu tố theo thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

(n = 317)

Tiêu chí	Không quen thuộc NCKH (Biết một số/một chút/ không biết)*		Quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/ mọi thứ)**	
	n	%	n	%
1. Các bước cơ bản của nghiên cứu điều dưỡng	296	93,4	21	6,6
2. Các cách xây dựng câu hỏi nghiên cứu	295	93,1	22	6,9
3. Phát biểu câu hỏi nghiên cứu	292	92,1	25	7,9
4. Cơ sở dữ liệu để truy xuất tài liệu	294	92,7	23	7,3
5. Các loại cơ sở dữ liệu để truy xuất tài liệu	299	94,3	18	5,7
6. Các cách thức, phương pháp truy xuất tài liệu	290	91,5	27	8,5
7. Những yêu cầu về đạo đức đối với nghiên cứu	249	78,5	68	21,5
8. Các hình thức thiết kế nghiên cứu	285	89,9	32	10,1
9. Các thành phần của thiết kế nghiên cứu	288	90,9	29	9,1
10. Đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu khác nhau	295	93,1	22	6,9
11. Các khái niệm về dân số và mẫu nghiên cứu	276	87,1	41	12,9
12. Phương pháp chọn mẫu	266	83,9	51	16,1
13. Các cách ước lượng cỡ mẫu	272	85,8	45	14,2
14. Các phương pháp thu thập số liệu	261	82,3	56	17,7
15. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu	269	84,9	48	15,1
16. Các phương pháp cải tiến chất lượng nghiên cứu	288	90,9	29	9,1
17. Các cách đo lường hiệu suất của dụng cụ	294	92,7	23	7,3
18. Các loại dữ liệu nghiên cứu	288	90,9	29	9,1
19. Các phương pháp phân tích thống kê	292	92,1	25	7,9
20. Hình thức của bài báo nghiên cứu	282	89,0	35	11,0
21. Các cách viết bài báo nghiên cứu	283	89,3	34	10,7
22. Đánh giá bài báo nghiên cứu	291	91,8	26	8,2
23. Khái niệm về điều dưỡng thực hành dựa trên bằng chứng	273	86,1	44	13,9
24. Các bước về điều dưỡng về thực hành dựa trên bằng chứng	279	88,0	38	12,0
Năng lực nghiên cứu theo thang đo đánh giá năng lực RCS-N	290	91,5	27	8,5

Lưu ý: * < 3,41; ** ≥ 3,41

Nhận xét: Nhóm sinh viên ở nhóm quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/mọi thứ các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ thấp nhất với 8,5%. Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu ở nhóm không quen thuộc NCKH (Biết một số/một chút/không biết các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ 91,5%. Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu không quen thuộc NCKH với các tiêu chí 1 (93,4%), tiêu chí 5 (94,3%), tiêu chí 10 (93,1%), tiêu chí 19 (92,1%). Sinh viên tham gia nghiên cứu quen thuộc NCKH với các tiêu chí 7 (21,5%), tiêu chí 12 (17,7%), tiêu chí 14 (16,1%).

3.3. Mô tả các nhóm nhân tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên

Bảng 3. Mô tả các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên (n=317)

Nhóm nhân tố	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình ± Độ lệch chuẩn
Sinh viên	6	30	21,19 ± 3,59
Giảng viên	6	30	17,03 ± 4,01
Chính sách của Nhà trường	5	25	15,92 ± 3,08
Cơ sở vật chất của Nhà trường	4	20	12,37 ± 2,75
Cơ sở thực tập	4	18	12,20 ± 2,70

Nhận xét: Điểm số trung bình của các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH lần lượt là: nhóm nhân tố sinh viên có điểm trung bình là 21,19 ± 3,59; nhóm nhân tố giảng viên có điểm trung bình là 17,03 ± 4,01; nhóm nhân tố chính sách của Nhà trường có điểm trung bình là 15,92 ± 3,08; nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường có điểm trung bình là 12,37 ± 2,75; nhóm nhân tố cơ sở thực tập có điểm trung bình là 12,20 ± 2,70

Bảng 4. Mô tả các tiêu chí của các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên

(n =317)

Tiêu chí	Min-Max	TB*	ĐLC**
Nhóm nhân tố sinh viên			
1) SV hiểu biết về NCKH còn hạn chế	1-5	3,72	0,74
2) SV chưa hiểu được tầm quan trọng của NCKH trong quá trình học tập tại trường đại học	1-5	3,53	0,77
3) SV cho rằng NCKH thực sự là một việc khó	1-5	3,70	0,77
4) SV khó thành lập được nhóm để thực hiện đề tài NCKH	1-5	3,29	0,84
5) SV chưa có kinh nghiệm làm việc nhóm khi triển khai thực hiện đề tài	1-5	3,43	0,85
6) SV chưa biết lựa chọn đề tài phù hợp với thực tiễn, trình độ kiến thức và phù hợp với ngành nghề được đào tạo	1-5	3,53	0,78
Nhóm nhân tố Giảng viên			
7) Nhiều GV còn ít quan tâm đến NCKH.	1-5	2,90	0,76
8) Nhiều GV chưa biết định hướng các vấn đề nghiên cứu khi sinh viên hỏi	1-5	2,88	0,82
9) Nhiều GV chưa có năng lực hướng dẫn NCKH	1-5	2,79	0,80
10) Nhiều GV hướng dẫn NCKH thiếu nhiệt tình và chi tiết	1-5	2,82	0,82
11) Nhiều GV chưa biết khuyến khích, động viên SV NCKH	1-5	2,86	0,84
12) Nhiều GV không thúc đẩy tiến độ thực hiện khi hướng dẫn SV NCKH	1-5	2,80	0,85
Nhóm nhân tố Chính sách của Nhà trường			
13) Chưa tạo sự khác biệt giữa SV có tham gia và không tham gia NCKH	1-5	3,13	0,78
14) Kinh phí giành cho NCKH chưa tương xứng	1-5	3,20	0,75
15) Thành tích NCKH chưa được phổ biến rộng rãi để động viên tinh thần sinh viên	1-5	3,24	0,82
16) Chưa tổ chức sinh hoạt NCKH thường kỳ trong khoa chuyên ngành	1-5	3,21	0,82
17) Phương pháp dạy và thi tự luận không sử dụng tài liệu bắt SV học thuộc lòng và không gợi mở tư duy tìm tòi, sáng tạo giúp cho NCKH	1-5	3,15	0,78

Nhóm nhân tố Cơ sở vật chất của Nhà trường

18) Trang bị phòng thực hành chưa thật tốt và hiện đại	1-5	3,03	0,81
19) Thư viện chưa có nhiều đầu sách và tài liệu tham khảo chưa phong phú	1-5	2,94	0,84
20) Internet chưa phủ sóng tốt trong các khu thư viện, sân trường, lớp học, cơ sở thực tập...	1-5	3,09	0,94
21) CSVC ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng NCKH của Nhà trường	1-5	3,32	0,88

Nhóm nhân tố Cơ sở thực tập

22) CSTT chưa nhiệt tình tiếp nhận SV thực tập tốt nghiệp, làm NCKH	1-5	3,08	0,77
23) CSTT chưa hỗ trợ SV tiếp cận tài liệu cần thiết	1-5	3,05	0,80
24) CSTT chưa nhiệt tình chỉ dẫn khi được SV yêu cầu	1-5	3,03	0,79
25) CSTT chưa hỗ trợ tốt cho SV khi liên hệ thực tập và NCKH	1-5	3,04	0,78

Lưu ý: * Trung bình; ** Độ lệch chuẩn

Nhận xét: Đa số sinh viên trong nhóm nghiên cứu đều đồng ý cho rằng các hiểu biết về NCKH hạn chế và NCKH là một việc khó có điểm trung bình ở mức cao với tiêu chí 1 (điểm TB 3,72) và tiêu chí 3 (điểm TB 3,7). Phần lớn sinh viên cho rằng các giảng viên ít quan tâm đến NCKH có điểm TB ở mức cao với tiêu chí 7 (điểm TB 2,9).

3.4. Các yếu tố liên quan đến năng lực NCKH của sinh viên điều dưỡng

Bảng 5. Tương quan hồi quy đa biến dự đoán giữa các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên theo thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

(n=317)

Nhóm nhân tố	B	SE	β	t	p
Sinh viên	0,362	0,292	0,083	1,239	0,216
Giảng viên	-0,467	0,273	-0,119	-1,707	0,089
Chính sách của Nhà trường	0,203	0,390	,040	0,522	0,602
Cơ sở vật chất của Nhà trường	1,000	0,461	0,175	2,170	0,031
Cơ sở thực tập	-0,047	0,465	-0,008	-0,101	0,920

$R^2 = 0,042$, R^2 hiệu chỉnh = 0,027, $F = 2,73$, $P < 0,01$, $Dubin-Watson = 1,621$

Nhận xét: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ giữa điểm trung bình nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên ($\beta = 0,175$, $p = 0,031$). Trong phân tích hồi quy đa biến, tất cả 5 nhóm nhân tố thì chỉ giải thích được 4,2% sự thay đổi điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên trong đó chỉ có biến số nhóm nhân tố Cơ sở vật chất của Nhà trường là có ý nghĩa thống kê góp phần dự đoán ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu ($F = 2,73$, $P < 0,01$).

Bảng 6. Liên quan giữa đặc điểm chung và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên theo thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

(n = 317)

Đặc điểm	Quen thuộc (n= 27)			Không quen thuộc (n =290)		p
	n	n	%	n	%	
Giới						
Nam	25	1	0,3	24	7,6	0,39
Nữ	292	26	8,2	266	83,9	
Nhóm tuổi						
≤ 20 tuổi	67	0	0	67	21,1	0,005
> 20 tuổi	250	27	8,5	223	70,3	

Điểm kết thúc học phần môn NCKH						
A+/A	29	19	6,0	10	3,2	0,0001
B+/B	176	7	2,2	169	53,3	
C+/C	112	1	0,3	111	35,0	
Xếp loại học lực kỳ trước						
Giỏi	63	14	4,4	49	15,5	0,0001
Khá	204	13	4,1	191	60,3	
Trung bình	50	0	0	50	15,8	

Nhận xét: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với ($p < 0,01$) giữa nhóm năng lực NCKH với nhóm tuổi, điểm kết thúc học phần môn NCKH và xếp loại học lực kỳ trước. Không có sự khác biệt có ý nghĩa với ($p > 0,05$) thống kê giữa nhóm năng lực NCKH và giới tính

Bảng 7. Hồi quy tuyến tính dự đoán các đặc điểm chung ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu của sinh viên theo thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

(n =317)

Đặc điểm	Odds (OR)	Khoảng tin cậy 95%	p
Giới (Nam)	0,506	0,05 - 5,89	0,58
Tuổi (> 20 tuổi)	2,05	0,89 - 4,69	0,08
Điểm kết thúc học phần môn NCKH (A+/A)	48,24	15,38 - 151,30	0,001
Xếp loại học lực kỳ trước (Giỏi)	1,06	0,32 - 3,57	0,91

Nhận xét: Trong phân tích hồi quy đa biến, những sinh viên đạt điểm A+/A trong thi kết thúc học phần NCKH là yếu tố dự đoán ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu (OR=48,24, KTC 95%: 15,38 - 151,30) và yếu tố này có nghĩa thống kê với ($p < 0,001$).

4. BÀN LUẬN

4.1. Đánh giá năng lực nghiên của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế qua thang đo đánh giá năng lực NCKH (RCS-N)

Theo nghiên cứu của chúng tôi, nhóm sinh viên quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/mọi thứ các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ thấp nhất với 8,5%. Nhóm sinh viên ở nhóm không quen thuộc với NCKH (Biết một số/một chút/không biết các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ cao với 91,5%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy phần lớn các sinh viên không quen thuộc NCKH ở các tiêu chí 1 (các bước cơ bản của nghiên cứu điều dưỡng), tiêu chí 2 (các cách xây dựng câu hỏi nghiên cứu), tiêu chí 3 (phát biểu câu hỏi nghiên cứu), tiêu chí 4 (cơ sở dữ liệu để truy xuất tài liệu), tiêu chí 5 (các loại cơ sở dữ liệu để truy xuất tài liệu), tiêu chí 6 (các cách thức, phương pháp truy xuất tài liệu), tiêu chí 10 (đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu khác nhau), tiêu chí 17 (các cách đo lường hiệu suất của dụng cụ), tiêu chí 18 (các loại

dữ liệu nghiên cứu), tiêu chí 19 (các phương pháp phân tích thống kê), tiêu chí 22 (đánh giá bài báo nghiên cứu), tất cả các tiêu chí trên đều chiếm tỷ lệ cao hơn 90% trở lên. Các tiêu chí 7 (những yêu cầu về đạo đức đối với nghiên cứu), 12 (phương pháp chọn mẫu), 14 (các phương pháp thu thập số liệu) chiếm tỷ lệ thấp hơn ở nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu không quen thuộc NCKH. Theo nghiên cứu của tác giả Grande, Rizal Angelo N và cộng sự (2021) [4] nghiên cứu về đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng với giáo dục dựa trên năng lực cho thấy tỷ lệ sinh viên quen thuộc NCKH chiếm tỷ lệ cao với 57,6%, tỷ lệ sinh viên không quen thuộc NCKH chiếm tỷ lệ 42,4%. Các tiêu chí 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 17, 18, 20, 21, 22, 23 và 24 không quen thuộc NCKH với hơn 50% số người tham gia. Phần lớn người tham gia cũng không quen thuộc NCKH ở các tiêu chí 17, 20, 18, 19, 6 và 8. Kết quả nghiên cứu này sự khác biệt so với nghiên cứu với của chúng tôi, với tỷ lệ sinh viên quen thuộc NCKH chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều. Điều này cho thấy năng lực nghiên cứu của sinh viên trong nhóm của chúng tôi còn hạn chế và cần được chú trọng hơn trong giáo dục theo năng lực.

4.2. Mô tả các nhóm nhân tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi bằng 3 cho thấy, điểm trung bình của các nhóm nhân tố tác động đến

động lực NCKH lần lượt là: nhóm nhân tố sinh viên có điểm trung bình là $21,19 \pm 3,59$; nhóm nhân tố giảng viên có điểm trung bình là $17,03 \pm 4,01$; nhóm nhân tố chính sách của Nhà trường có điểm trung bình là $15,92 \pm 3,08$; nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường có điểm trung bình là $12,37 \pm 2,75$; nhóm nhân tố cơ sở thực tập có điểm trung bình là $12,20 \pm 2,70$. Các điểm trung bình ở các nhóm nhân tố ở mức cao cho thấy các khó khăn trở ngại của các nhân tố tác động đến động lực NCKH càng lớn. Các yếu tố tạo động lực NCKH của sinh viên nhằm tạo điều kiện, khuyến khích, động viên sinh viên nhiệt tình, hăng hái và nỗ lực hơn trong nghiên cứu, để đẩy mạnh phong trào NCKH trong sinh viên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, cần chú quan tâm đến vấn đề này tạo điều kiện cho sinh viên được phát huy năng lực nghiên cứu.

Qua bảng 4 cho thấy đa số sinh viên trong nhóm nghiên cứu đều đồng ý cho rằng các hiểu biết về NCKH hạn chế và NCKH là một việc khó có điểm trung bình ở mức cao với tiêu chí 1 (điểm TB 3,72) và tiêu chí 3 (điểm TB 3,7). Phần lớn sinh viên cho rằng các giảng viên ít quan tâm đến NCKH có điểm TB ở mức cao với tiêu chí 7 (điểm TB 2,9). Đa số sinh viên cũng đồng ý cho rằng Chính sách của Nhà trường với tiêu chí 14 (kinh phí giành cho NCKH chưa tương xứng) có điểm trung bình ở mức cao 3,2. Phần lớn sinh viên đồng ý cho rằng CSVC ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng NCKH của Nhà trường (tiêu chí 21) và Internet chưa phủ sóng tốt trong các khu thư viện, sân trường, lớp học, cơ sở thực tập (tiêu chí 20). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với tác giả Phạm Quang Văn và cộng sự [1] cho rằng giảng viên chưa đánh giá cao tầm quan trọng của việc sinh viên NCKH, còn nhiều giảng viên ít quan tâm đến NCKH và thiếu nhiệt tình trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH. Với các kết quả trên chúng ta thấy rằng cần phải có các giải pháp đề xuất can thiệp đến các nhân tố tác động đến động lực NCKH.

4.3. Các yếu tố liên quan đến năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng

4.3.1. Liên quan giữa các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH của sinh viên và năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng

Theo nghiên cứu của chúng tôi bằng 5 cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ giữa điểm trung bình nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên ($\beta = 0,175, p = 0,031$). Trong phân tích hồi quy đa biến, tất cả 5 nhóm nhân tố bao gồm nhóm nhân tố sinh viên, giảng viên, chính sách Nhà trường, cơ sở

vật chất Nhà trường, cơ sở thực tập thì chỉ giải thích được 4,2% sự thay đổi điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên trong đó chỉ có biến số nhóm nhân tố Cơ sở vật chất của Nhà trường là có ý nghĩa thống kê góp phần dự đoán ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu ($F = 2,73, p < 0,01$). Chúng ta thấy các trang thiết bị về cơ sở vật chất của Trường hiện có đã phần nào đáp ứng được nhu cầu thí nghiệm của sinh viên nhưng chưa tạo được tiền đề để sinh viên tiếp cận với những tiến bộ khoa học mới, vì thế trong thời gian sắp tới, Nhà trường nên quan tâm nâng cấp các thiết bị trong phòng thí nghiệm sao cho hiện đại, đáp ứng được việc NCKH trong thời kỳ hội nhập. Bên cạnh đó, cũng nên quan tâm đầu tư đúng mức các đầu sách trong thư viện, vì khi sinh viên không thể thực hành trong phòng thí nghiệm thì sinh viên vẫn có thể tìm hiểu thêm kiến thức mà mình nghiên cứu trên các sách chuyên khảo, sách chuyên ngành. Việc đầu tư, phát triển và phủ sóng internet trong các khu thư viện, ký túc xá, lớp học cũng mang ý nghĩa to lớn trong việc giúp sinh viên nghiên cứu, tìm kiếm nguồn kiếm thức phục vụ cho nhu cầu NCKH của mình.

4.3.2. Liên quan giữa các đặc điểm chung và năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với ($p < 0,01$) giữa nhóm năng lực NCKH với nhóm tuổi, điểm kết thúc học phần môn NCKH và xếp loại học lực kỳ trước. Không có sự khác biệt có ý nghĩa với ($p > 0,05$) thống kê giữa nhóm năng lực NCKH và giới tính. Trong phân tích hồi quy đa biến, những sinh viên đạt điểm A+/A trong thi kết thúc học phần NCKH là yếu tố dự đoán ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu ($OR = 48,24, KTC 95\%: 15,38 - 151,30$) và yếu tố này có nghĩa thống kê với ($p < 0,001$). Nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự với nghiên cứu của tác giả Grande, Rizal Angelo N và cộng sự (2022) [5], có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm A+/A trong khóa học NCKH với năng lực nghiên cứu của sinh viên ($OR = 3,20, P = 0,04$).

5. KẾT LUẬN

Nhóm sinh viên ở nhóm quen thuộc NCKH (Biết nhiều/tất cả/mọi thứ các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ thấp nhất với 8,5%. Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu ở nhóm không quen thuộc NCKH (Biết một số/một chút/không biết các tiêu chí về NCKH) chiếm tỷ lệ 91,5%.

Điểm số trung bình của các nhóm nhân tố tác động đến động lực NCKH lần lượt là: nhóm nhân tố sinh viên có điểm trung bình là $21,19 \pm 3,59$; nhóm

nhân tố giảng viên có điểm trung bình là $17,03 \pm 4,01$; nhóm nhân tố chính sách của Nhà trường có điểm trung bình là $15,92 \pm 3,08$; nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường có điểm trung bình là $12,37 \pm 2,75$; nhóm nhân tố cơ sở thực tập có điểm trung bình là $12,20 \pm 2,70$.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ giữa điểm trung bình nhóm nhân tố cơ sở vật chất của Nhà trường và điểm số năng lực nghiên cứu của sinh viên ($\beta = 0,175$, $p = 0,031$), góp phần dự đoán ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu ($F = 2,73$, $P < 0,01$).

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với ($p < 0,01$) giữa nhóm năng lực NCKH với nhóm tuổi, điểm kết thúc học phần môn NCKH, là yếu tố dự đoán

ảnh hưởng đến điểm số năng lực nghiên cứu ($OR = 48,24$, $KTC 95\%: 15,38 - 151,30$).

6. KIẾN NGHỊ

Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng là một điều cần thiết để xem xét, phân tích, đánh giá các khóa học NCKH điều dưỡng để xác định mức độ phù hợp của các chương trình giảng dạy về NCKH cho điều dưỡng. Việc đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên qua sử dụng bộ công cụ RCS-N là một điểm khởi đầu để xác định khả năng NCKH họ chuẩn bị sẵn sàng của một điều dưỡng chuyên nghiệp trong tương lai.

Cần có những nghiên cứu khác lớn hơn để khẳng định thêm cho nghiên cứu của chúng tôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Văn, Lê Văn Trọng, Huỳnh Văn Kiệt, Hoàng Thị Xuân (2018), "Một số yếu tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên", *Tạp chí khoa học công nghệ giao thông vận tải*, số 30-11/2018, tr.88-tr.94.

2. Naylor, G. A., Hanson, A., Evely, J., Little, M., & VanEker, D. (2014). Nursing student placements in clinical research. *Nursing Standard (2014+)*, 29(2), 37.

3. Watwood, C., Bormann, L., & Bennett, M. (2018). I Can Do This—Collaboration on a global nursing assignment to increase the self-efficacy of pre-nursing students for research skills. *Journal of Electronic Resources in Medical Libraries*, 15(2), 59-65.

4. Grande, R. A. N., Berdida, D. J. E., Villagracia, H. N.,

Ablao, J. N., & Garcia, P. R. B. (2021). Assessment of nursing students' research competencies with competency-based education. *The Journal of Competency-Based Education*, 6(4), 211-221.

5. Grande, R. A. N., Berdida, D. J. E., Villagracia, H. N., Ablao, J. N., & Garcia, P. R. B. (2022). Multi-university assessment of Biggs's constructive alignment as an index of nursing research competencies among Saudi students. *Teaching and Learning in Nursing*, 17(1), 68-76.

6. Qiu, C., Feng, X., Reinhardt, J. D., & Li, J. (2019). Development and psychometric testing of the Research Competency Scale for Nursing Students: An instrument design study. *Nurse Education Today*, 79, 198-203.